

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2018/DS-PT
Ngày: 17-9-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui và
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui và vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 (Giấy ủy quyền được chứng thực số 1145 ngày 28/8/2018) (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị D, sinh năm 1970;

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965;

3. Anh Nguyễn Văn Duy T, sinh năm 1990; (có mặt)

Bà D, ông H, anh T cùng trú tại: ấp A, xã AC, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, ông H: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956; (Giấy ủy quyền được chứng thực số 545 ngày 03/5/2018)

Địa chỉ: Số 04A, tổ 23, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Duy T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà H và bà D có quen biết nhau nên bà H có cho gia đình bà D vay và chơi hụi, cụ thể:

- Về số tiền vay: Bà D đại diện gia đình vay bà H 250.000.000 đồng làm vốn mua bán, biên nhận vay có bà D và anh T ký tên. Việc vay không tính lãi suất, thỏa thuận miệng cuối năm 2017 trả. Nhiều lần bà H yêu cầu gia đình bà D trả tiền nhưng bà D không thực hiện.

- Về số tiền hụi: Bà D đại diện gia đình tham gia chơi 02 dây hụi do bà H làm chủ thảo:

+ Dây 20.000.000 đồng khai ngày 09/5/2016 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, có 27 phần hụi, hụi mãn ngày 09/6/2018 âm lịch, bà D tham gia một phần, hụi ở kỳ thứ 10, đóng hụi chết được 10 kỳ, tính đến thời điểm xét xử đã qua 05 kỳ hụi chết chưa đóng với số tiền 100.000.000 đồng, đến mãn hụi còn 02 kỳ hụi chết với số tiền 40.000.000 đồng.

+ Dây 20.000.000 đồng khai ngày 15/02/2017 âm lịch, mỗi tháng khai một lần, có 25 phần, hụi mãn ngày 15/01/2019 âm lịch, bà D tham gia một phần, hụi ở kỳ thứ 3, đóng hụi chết được 08 kỳ, tính đến thời điểm xét xử đã qua 05 kỳ hụi chết chưa đóng với số tiền 100.000.000 đồng, tính đến mãn hụi còn 09 kỳ hụi chết với số tiền 180.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu ông H, bà D và anh T liên đới trả cho bà H 250.000.000 đồng tiền vay và 200.000.000 đồng nợ hụi đến hạn. Thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực. Yêu cầu trả tiền nợ hụi chưa đến hạn theo từng kỳ khai tiếp theo của 02 dây hụi trên.

- *Bị đơn bà Phan Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Bùi Quang N trình bày:*

Bà D thống nhất lời trình bày của bà H về số tiền nợ vay là 250.000.000 đồng, nợ hụi đến hạn 200.000.000 đồng và số tiền hụi chết chưa đến kỳ là 220.000.000 đồng của 02 dây hụi ngày 09/5/2016 âm lịch và 15/02/2017 âm lịch. Bà D cũng đồng ý trả số tiền nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H và người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Bùi Quang N trình bày:

Bà D vay mượn và tham gia chơi hụi với bà H, ông H không biết, không có ký tên vay với bà H. Đó là số tiền nợ giữa bà D và bà H nên ông không đồng ý liên đới cùng bà D trả nợ cho bà H.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Duy T trình bày:

Anh T thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ 250.000.000 đồng cùng với bà D là mẹ ruột của anh nhưng ký tên là để làm tin, bản thân anh không vay mượn hay tham gia chơi hụi với bà H nên không đồng ý liên đới trả nợ cho bà H.

- Bản án sơ thẩm số: 90/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H.

Buộc bà Phan Thị D, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Duy T liên đới trả cho bà H số tiền 250.000.000 đồng nợ vay và 200.000.000 đồng nợ hụi đã đến hạn, tổng cộng là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Thực hiện trả một lần.

Buộc bà Phan Thị D, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Duy T liên đới trả cho bà H số tiền hụi 02 kỳ chưa đến hạn 40.000.000 đồng theo các kỳ khai hụi hàng tháng tiếp theo của dây hụi khai ngày 09/5/2016 âm lịch, mãi vào ngày 09/6/2018 âm lịch, bắt đầu thực hiện vào ngày 09/5/2018 âm lịch.

Buộc bà Phan Thị D, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Duy T liên đới trả cho bà H số tiền hụi 09 kỳ chưa đến hạn 180.000.000 đồng theo các kỳ khai hụi hàng tháng tiếp theo của dây hụi khai ngày 15/02/2017 âm lịch, mãi vào ngày 15/01/2019 âm lịch, bắt đầu thực hiện vào ngày 15/5/2018 âm lịch.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 14/6/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn Duy T kháng cáo bản án sơ thẩm số 90/2018/DSST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không

chấp nhận khởi kiện của bà Đinh Thị H về việc yêu cầu ông H và anh T liên đới cùng bà Phan Thị D trả nợ cho bà Đinh Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bên nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bên bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhận xét: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng luật định. Về yêu cầu kháng cáo của anh H là có căn cứ, còn yêu cầu kháng cáo của anh T có căn cứ một phần. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, và một phần yêu cầu kháng cáo của anh T. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm. Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cần tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do anh Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Duy T nộp ghi ngày 13 và 14 tháng 6 năm 2018 (bút lục 100 đến 105) nằm trong thời hạn luật định và hợp lệ đúng với các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” là đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 288, 466 và 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu các bị đơn Phan Thị D, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Duy T cùng liên đới trách nhiệm trả nguyên đơn 250.000.000 đồng tiền vay và trả 200.000.000 đồng tiền hui của hai dây hui đã quá hạn chưa đóng và tiếp tục đóng 220.000.000 đồng của hai dây hui còn trong thời hạn theo định kỳ hàng tháng cho đến khi kết thúc dây hui.

Bị đơn Phan Thị D thừa nhận có nợ tiền vay và tiền hui như nguyên đơn khai và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Bị đơn Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Duy T thì không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng cả hai người không vay mượn tiền và không tham gia chơi hui với nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử kiểm tra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm. Sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến và tranh luận, nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[4] Xét thấy: Tòa sơ thẩm xử buộc bị đơn Phan Thị D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 250.000.000 đồng tiền vay, 200.000.000 đồng tiền nợ hui của hai dây hui đã quá hạn và 220.000.000 đồng của hai dây hui còn trong hạn theo định kỳ khai hui hàng tháng cho đến khi kết thúc hai dây hui là có căn cứ đúng pháp luật. Bởi lẽ, phần này bị đơn D thừa nhận nợ như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả, chị D không kháng cáo nên không đặt ra xem xét lại.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của anh H và anh T nhận thấy: Việc nguyên đơn yêu cầu anh H có nghĩa vụ liên đới với chị D trả cho chị H 250.000.000 đồng tiền vay và 200.000.000 đồng nợ hui và 220.000.000 đồng tiền hui phải đóng khi đến hạn khai hui của hai dây hui do chị D tham gia là không có cơ sở ràng buộc. Bởi theo biên nhận ngày 22/11/2017 ghi “Tôi Phan Thị D có mượn chị Đinh Thị H số tiền là 250.000.000 đồng” ký tên người mượn là Phan Thị D và Nguyễn Văn Duy T. Biên nhận trên không có tên anh H cũng như không thể hiện mục đích sử dụng tiền vay làm gì, với ai.

[6] Đối với tiền hui, theo hai sổ hui ghi “Khởi khai ngày 19/5/2016 âm lịch và ngày 15/02/2017 âm lịch thì chỉ có chị D tham gia. Khi hốt và giao hui, chỉ có chị D nhận. Anh H hoàn toàn không thừa nhận có vay tiền và tham gia chơi hui do chị H làm chủ hui, suốt quá trình tham gia tổ tụng tại Tòa án, chị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh anh H có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến số tiền vay và tiền hui giữa chị hương với chị D. Thế nhưng án sơ thẩm lại căn cứ vào nội dung đoạn ghi âm qua điện thoại giữa chị H với anh H để nhận định “Quá trình làm ăn ông H biết chị D có vay mượn và tham gia hui với chị H nên mới có cuộc hẹn để thỏa thuận về số nợ. Việc chị D vay tiền và tham gia chơi hui cũng để xoay đồng vốn trong quá trình mua bán lúa gạo để chi tiêu cho gia đình”. Nhận định trên không có căn cứ vì nội dung đoạn ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa chị H với anh H do chị H cung cấp hoàn toàn không có chỗ nào thể hiện anh H thừa nhận anh và chị D có nợ vay và nợ hui chị H cũng như cam kết hoặc hứa hẹn trả nợ cho chị H. Còn về qui kết trách nhiệm liên đới của vợ chồng để buộc anh H cùng chị D trả nợ cho chị H theo Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình thì không đủ cơ sở bởi giao dịch dân sự về vay tiền và chơi hui giữa chị H với chị D được xác lập ngay từ đầu anh H không biết. Việc vay nợ và chơi hui của chị D cũng không thể hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì anh H không thừa nhận biết việc vay nợ, chơi hui của chị D nhằm mục đích lo cho cuộc sống gia đình đến khi xảy ra tranh chấp anh mới biết. Việc này tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn cũng đã xác nhận khi vay tiền và tham gia chơi hui thì chị D giấu không cho anh H biết, sau này chị D mắc nợ nhiều người anh H mới biết. Do đó, anh H kháng cáo không đồng ý liên đới với chị D trả nợ cho chị H là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh T cho rằng anh ký tên vào biên nhận mượn 250.000.000 đồng của chị H với chị D (mẹ anh) là ký xác nhận để làm tin cho mẹ anh được trả nợ thời gian dài. Lời khai nại này của anh T không phù hợp thực tế vì trong biên nhận nợ ghi ngày 22/11/2017 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 19) ghi người mượn ký tên Phan Thị D, Nguyễn Văn Duy T. Ngoài ra,

không có nội dung nào khác thể hiện anh ký tên làm chứng hay xác nhận làm tin cho mẹ anh trả nợ dài hạn. Do đó, án sơ thẩm xử buộc anh cùng có trách nhiệm với mẹ anh trả số tiền vay theo biên nhận trên là có căn cứ đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh Tuấn, giữ y án sơ thẩm.

Về tiền hụi chị D tham gia 02 dây hụi do chị H làm chủ, án sơ thẩm buộc anh có trách nhiệm cùng với chị D và anh H trả cho chị H thì anh không đồng ý và kháng cáo. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh T liên đới trách nhiệm trả tiền hai dây hụi do chị D tham gia nhưng hoàn toàn không có chứng cứ tài liệu nào chứng minh anh T có liên quan đến quyền và nghĩa vụ đối với hai dây hụi do chị D tham gia với chị H.

Tòa sơ thẩm nhận định chị D “Vay tiền và chơi hụi cũng để xoay đồng vốn trong quá trình mua bán, từ đó xác định thu nhập từ việc kinh doanh lúa gạo của chị D cũng để chi tiêu chung cho gia đình, vợ chồng anh T hiện nay cũng sống chung vợ chồng ông H phụ giúp trong gia đình”. Từ đó buộc anh T liên đới trả tiền nợ hụi cho chị H là không có căn cứ vì thực tế anh T có tên trong sổ hộ khẩu gia đình chị D nhưng anh T đã có vợ và cư trú ở địa phương khác thuộc xã H. Xét yêu cầu kháng cáo của anh T không đồng ý liên đới trách nhiệm với chị D trả tiền nợ hụi cho chị H là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần quyết định án sơ thẩm.

[8] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 06/4/2018 và quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 05/2018/QĐ-BPBD ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tiếp tục được duy trì cho đến khi có quyết định thi hành án.

[9] Về án phí:

Chị Phan Thị D, anh Nguyễn Văn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Chị Định Thị H và anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Duy T không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm.

Từ những nhận định trên nhận thấy ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H và một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Duy T. Sửa một phần quyết định của Bản

án dân sự sơ thẩm số: 90/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H.

Buộc chị Phan Thị D và anh Nguyễn Văn Duy T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đinh Thị H số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nợ vay theo biên nhận ngày 22/11/2017.

Buộc chị Phan Thị D có nghĩa vụ trả cho chị Đinh Thị H 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền nợ của dây hụi khai ngày 09/5/2016 âm lịch và dây hụi khai ngày 15/02/2017 âm lịch đã quá hạn chưa đóng.

Buộc chị Phan Thị D có nghĩa vụ tiếp tục trả cho chị Đinh Thị H hai kỳ khai hụi tiếp theo của dây hụi khai ngày 09/5/2016 âm lịch là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) cho đến khi kết thúc vào ngày 09/6/2018 âm lịch.

Buộc chị Phan Thị D có nghĩa vụ trả tiếp cho chị Đinh Thị H 09 kỳ khai hụi tiếp theo của dây hụi ngày 15/02/2017 âm lịch là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn) cho đến khi kết thúc vào ngày 15/01/2019 âm lịch.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H đòi anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới với chị Phan Thị D trả cho chị 250.000.000 đồng tiền nợ vay ngày 22/11/2017 và không chấp nhận yêu cầu của chị H đòi anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Duy T có trách nhiệm liên đới với chị D trả nợ chị 200.000.000 đồng tiền nợ hụi đã quá hạn chưa đóng và trả tiếp 220.000.000 đồng theo định kỳ khai hụi hàng tháng của hai dây hụi khai ngày 09/5/2016 và ngày 15/02/2017 cho đến khi kết thúc.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị D, anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả thêm tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Chị Phan Thị D và anh Nguyễn Văn Duy T phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phan Thị D phải chịu 20.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho chị Đinh Thị H 14.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 08322 ngày 13/3/2018 và số 08422 ngày 30/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 08857 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Duy T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 08858 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Tiếp tục giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 06/4/2018 và quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 05/2018/QĐ-BPBD ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cho đến khi có quyết định thi hành án. Khi có quyết định thi hành án, chị H có quyền liên hệ với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam-chi nhánh Tây Tiền Giang, phòng giao dịch C để nhận lại 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do thực hiện biện pháp bảo đảm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2018-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải